

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2025/DS-ST

Ngày: 09 - 12 - 2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi Hùng

2. Ông Sơn Mút.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2025/TLST-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2025/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Tên viết tắt: **V1.**

Địa chỉ: Số H, L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông **Ngô Chí D** – Chủ tịch Hội đồng quản trị V1.

Là: Người đại diện theo pháp luật của V1.

Ông **Vũ Ngọc Q** – Trưởng Phòng xử lý nợ V1.

Là: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

(Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị V1).

Người được ủy quyền lại: Ông **Huỳnh D1** – Chuyên viên xử lý nợ V1.

Địa chỉ: Số C - C, H, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

(Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2025 của Trưởng Phòng xử lý nợ V1), có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị D2**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số A, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Nay là số 1198/6, ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

V1 có cho bà Trần Thị D2 vay vốn theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: Hợp đồng vay vốn số LN 2108274218892, số hồ sơ giải ngân LD 2124000252, số tiền vay 79.800.000đ, thời hạn 36 tháng, ngày giải ngân 28/8/2021 và Hợp đồng vay vốn số 217165949483169400, số hồ sơ giải ngân LD 2221500303, số tiền vay 38.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, ngày giải ngân 03/8/2022. Cả hai hợp đồng vay với mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất theo từng thời kỳ (lãi suất trong hạn từ 34,50%/năm đến 36%/năm, lãi quá hạn từ 51,75%/năm đến 54%/năm). Do bà D2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên V1 yêu cầu bà D2 trả cho V1 số tiền vốn vay và lãi còn nợ của hai khoản vay tạm tính đến ngày 03/7/2025 tổng cộng là 80.817.159đ, trong đó: vốn 47.372.023đ, lãi 33.445.136đ.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn V1 có nộp bổ sung văn bản tính lãi suất từ ngày vay cho đến ngày 09/12/2025 và yêu cầu bà Trần Thị D2 phải thanh toán cho V1 số tiền vốn và lãi tính đến ngày 09/12/2025 còn nợ tổng cộng của 02 khoản vay là 90.119.374, trong đó: nợ vốn 47.372.023đ, nợ lãi 42.747.351đ. Đồng thời, tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày 09/12/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn V1 khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Trần Thị D2 có nơi cư trú tại số A, ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long theo Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH25 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa do không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Giữa V1 và bà Trần Thị D2 có giao kết hợp đồng tín dụng, theo đó bà D2 vay vốn theo Hợp đồng vay vốn số LN 2108274218892, số hồ sơ giải ngân LD 2124000252, số tiền vay 79.800.000đ, thời hạn vay 36 tháng, ngày giải ngân 28/8/2021, mục đích vay tiêu
2

dùng cá nhân, vi phạm hợp đồng ngày 07/02/2022 và Hợp đồng vay vốn số 217165949483169400, số hồ sơ giải ngân LD 2221500303, với số tiền vay là 38.000.000đ, thời hạn 36 tháng, ngày giải ngân 03/8/2022, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, vi phạm hợp đồng ngày 07/02/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng, do bà D2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V1 yêu cầu bà D2 trả cho V1 số vốn vay và lãi phát sinh còn nợ của hai hợp đồng tính đến ngày 09/12/2025, cụ thể như sau:

- Đối với hợp đồng vay ngày 28/8/2021: Nợ vốn vay 22.991.067đ; nợ lãi theo từng thời kỳ tính từ ngày 05/4/23024 đến ngày 09/12/2025 với lãi suất trong hạn 34,50%/năm bằng số tiền 13.528.327đ; lãi quá hạn 51,75%/năm 6.746.164đ;

- Đối với hợp đồng vay ngày 03/8/2022: Nợ vốn vay 24.380.956đ; nợ lãi theo từng thời kỳ tính từ ngày 05/4/23024 đến ngày 09/12/2025 với lãi suất trong hạn 36%/năm bằng số tiền 14.969.907đ; lãi quá hạn 554%/năm 7.484.953đ.

Tổng cộng vốn và lãi là 90.119.374, trong đó: nợ vốn vay 47.372.023đ, nợ lãi 42.747.351đ.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị D2 trong đó nêu rõ toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên, bà Trần Thị D2 chưa có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cũng như yêu cầu phản tố.

Do đó, xét yêu cầu của V1 buộc bà D2 trả cho V1 số tiền vốn và lãi còn nợ tính đến ngày 09/12/2025 tổng cộng là 90.119.374đ, trong đó: nợ vốn vay 47.372.023đ, nợ lãi 42.747.351đ và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của 09/12/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Buộc bà Trần Thị D2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền vốn vay và lãi còn nợ tính đến ngày 09/12/2025 tổng cộng là 90.119.374đ (*Chín mươi triệu, một trăm mười chín nghìn, ba trăm bảy mươi bốn đồng*), trong đó: nợ vốn vay 47.372.023đ (*Bốn mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*), nợ lãi 42.747.351đ (*Bốn mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm năm mươi một đồng*) theo Hợp đồng vay vốn số LN 2108274218892, số hồ sơ giải ngân LD 2124000252, ngày giải ngân 28/8/2021 và Hợp đồng vay vốn số 217165949483169400, số hồ sơ giải ngân LD 2221500303, ngày giải ngân 03/8/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (09/12/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Buộc bà Trần Thị D2 phải nộp 4.505.000đ (*Bốn triệu, năm trăm lẻ năm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 2.020.000đ (*Hai triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003331 ngày 26/9/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV3 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV3 – Vĩnh Long;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa